TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2022/DS-ST
Ngày 22 - 6 - 2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Ông Nguyễn Thế Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trương Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 13/5/2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:* anh Nguyễn Tất D, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Tr, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Đ, sinh năm1983; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1945; Địa chỉ: xóm N, xã N, huyện N, tỉnh N; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.2. Ông Trần Trọng H, sinh năm 1972; Địa chỉ 170/16 M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.3. Văn phòng Công chứng C; Địa chỉ: Thôn K, xã Dr, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đông T; (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt).

3.4. Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn anh Nguyễn Tất D trình bày:*

Ngày 18/5/2020 ông Hoàng Văn T có ký Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ 01 lô đất thuộc thửa đất số 7973, tờ bản đồ số 32, diện tích 411m2, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BN 020496 ngày 16/4/2014. Đất đã đăng ký biến động sang tên cho ông Hoàng Văn T ngày 07/01/2020. Giá chuyển nhượng hai bên thỏa thuận là 133.000.000 đồng, để thực hiện việc chuyển nhượng đất thì ngày 18/5/2020 hai bên lập giấy thỏa thuận vợ chồng ông Tr và bà Đ đặt cọc trước cho ông T số tiền 90.000.000 đồng. Số tiền còn lại do soạn thảo đánh máy trước bị nhầm ghi là 45.000.000 đồng, nhưng thực tế còn nợ 43.000.000 đồng, hai bên thống nhất dùng bút bi sửa lại số tiền nợ. Vợ chồng ông Tr, bà Đ cam kết trả cho bà Đặng Thị Th (là chị gái ông Tr), hiện trú tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh N. Lý do ông Tr và bà Đ trả cho bà Th là vì ông T trước đây nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ bà Th. Khi nhận chuyển nhượng từ bà T, thửa đất này đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 020496, ngày 16/4/2014 đứng tên ông Hà Sơn B, bà Đặng Thị S cùng trú tại Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (do thửa đất này bà Th mua chung với ông B và bà S nên bà Th để cho ông B, bà S đứng tên giúp). Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên ông T còn nợ của bà Th số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên vợ chồng ông Tr và bà Đ không trả số tiền còn lại 43.000.000 đồng cho bà Th như đã cam kết, nên bà Th đã khởi kiện ông T ra Tòa án nhân dân huyện C, buộc ông T phải trả hết số tiền trên cho bà Th. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì đến ngày 26/5/2021 ông T đã trả hết số tiền chuyển nhượng còn lại là 50.000.000 đồng cho bà Th. Số tiền này do người đại diện theo ủy quyền của bà Th, là ông Trần Trọng H (sinh năm 1972, trú tại 170/16 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) nhận thay tại Tòa án huyện C.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng C, ông T đã giao đất cho vợ chồng ông Tr và bà Đ ở và sử dụng ổn định từ năm 2019 đến nay. Đồng thời ông T đã làm thủ tục sang tên Giấy CNQSD đất cho vợ chồng ông Tr, bà Đ. Hiện Giấy CNQSD đất ông Tr và bà Đ đang giữ. Vì vậy ông T yêu cầu Tòa án, buộc vợ chồng ông Tr và bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông

T số tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ là 43.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

** Đối với bị đơn vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ:* Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Tr, bà Đ không đến Tòa án làm việc và cố tình lẩn tránh. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng ông Tr, bà Đ đang cư trú được biết vợ chồng ông Tr, bà Đ vẫn cư trú tại địa phương, nhưng ông Tr, bà Đ cố tình lẩn tránh không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông Tr, bà Đ được.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đặng Thị Th trình bày:

Vào năm 2019 bà Đặng Thị Th chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn T, trú tại Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk 01 thửa đất có diện tích 411m^2 thuộc thửa đất số 7973, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 020496, ngày 16/4/2014. Giá chuyển nhượng hai bên thỏa thuận là 133.000.000đ. Để làm tin ông T đã lập Hợp đồng đặt cọc và giao trước cho bà Th số tiền là: 83.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 50.000.000 đồng, ông T cam kết ngay sau khi ông T nhận được GCNQSDĐ đất đứng tên ông T thì ông T sẽ thanh toán hết. Tuy nhiên sau khi lô đất trên đã được Cấp giấy CNQSD đất mang tên ông T, thì bà Th đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán hết số tiền còn lại là 50.000.000 đồng cho Bà Th. Nhưng ông T vẫn không chịu thanh toán cho bà Th như đã cam kết trong Hợp đồng đặt cọc.

Vì vậy bà Th đã ủy quyền cho ông Trần Trọng H đại diện cho bà Th khởi kiện ông Hoàng Văn T đến Toà án nhân dân huyện C để yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền chuyển nhượng còn lại là 50.000.000đ theo như quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì đến ngày 26/5/2021 ông T đã trả hết số tiền chuyển nhượng còn lại là 50.000.000đ cho bà Th thông qua người đại diện là ông H. Số tiền này Bà chỉ lấy 20.000.000đ, còn 30.000.000đ là để trả thù lao phí dịch vụ luật sư cho ông H.

Còn về việc ông T chuyển nhượng thửa đất số 7973 cho vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ (ông Trung là em trai bà Th) theo Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020 và Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 18/5/2020, hai bên thỏa thuận vợ chồng ông Tr, bà Đ trả cho Bà 43.000.000đ thì Bà không biết. Vợ chồng ông Tr, bà Đ chưa có lần nào chuyển tiền chuyển nhượng đất cho Bà. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án, buộc vợ chồng ông Tr và bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ là 43.000.000 đồng, thì bà Th không không có ý kiến gì, vì tiền chuyển nhượng đất Bà đã được trả xong, không còn liên quan đến việc này nữa.

- Ông Trần Trọng H tại đơn xin trình bày ngày 31/5/2022:

Ông H trình bày thống nhất với nội dung trình bày của bà Đặng Thị Th.

- Bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Bà T (là vợ của ông Hoàng Văn T), Bà thống nhất với nội dung khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Văn phòng Công chứng C, người đại diện theo pháp luật ông Phan Đông T trình bày:

Ngày 18/5/2020, Văn phòng Công chứng C nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, giữa: Bên chuyển nhượng là vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị Kim T; bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ. Tài sản chuyển nhượng là: thửa đất số 7973, tờ bản đồ số 32, diện tích 411m^2, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 020496 ngày 16/4/2014. Đất đã đăng ký biến động sang tên cho ông Hoàng Văn T ngày 07/01/2020. Nguồn gốc đất: nhận chuyển nhượng.

Sau khi thực hiện đầy đủ thủ tục quy định tại Điều 40 và 41 Luật Công chứng, xét thấy tài sản chuyển nhượng hợp pháp, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực dân sự sự phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Văn phòng Công chứng C đã công chứng Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa các bên theo quy định - Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số 02927 ngày 18/5/2020 là thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung khởi kiện của ông Hoàng Văn T: Yêu cầu buộc vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn T số tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ là 43.000.000 đồng, thì chúng tôi không có liên quan nên không có ý kiến gì, đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 500 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ là 43.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đối với bị đơn là vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông Tr, bà Đ đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án xét xử, ông Tr, bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bà Phạm Thị Kim T và Văn phòng Công chứng C, vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị Kim T với bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ, xác lập ngày 18/5/2020 đối với thửa đất số 7973, tờ bản đồ số 32, diện tích 411m^2; địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BN 020496 ngày 16/4/2014. Đất đã đăng ký biến động sang tên cho ông Hoàng Văn T ngày 07/01/2020; được Văn phòng Công chứng C công chứng số 02927, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2020.

Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà các bên tham gia giao dịch đều tự nguyện, có đủ năng lực hành vi dân sự, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng theo quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; thửa đất đã đăng ký biến động sang tên cho vợ chồng ông Tr và bà Đ ngày 02/6/2020 vợ chồng ông Tr đã nhận quản lý, sử dụng ổn định đất từ khi nhận chuyển nhượng đến nay; nên hợp đồng chuyển nhượng là hợp pháp, do vậy cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng này.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của ông T (nguyên đơn), yêu cầu vợ chồng ông Tr và bà Đ (bị đơn) phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ông tiền nhận chuyển nhượng đất còn nợ là 43.000.000 đồng. Do bị đơn cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể làm rõ về nội dung trong Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020, Tòa án đã trưng cầu giám định, so sánh chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông Tr và bà Đ trong *"Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020"* với chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông Tr và bà Đ trong *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/5/2020"*.

Tại bản Kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 29/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn Tr và Trần Thị Đ, "Bên nhận chuyển nhượng" trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được công chứng tại Văn phòng Công chứng C ngày 18/5/2020, so với tài liệu là "Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020", trong hồ sơ vụ án này đều do ông Tr và bà Đ ký và viết ra. Trong nội dung Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020, tại trang 2 có ghi *" Ông Đặng Văn Tr và vợ là Trần Thị Đ cam kết, sẽ thanh toán đầy đủ số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Hoàng Văn T theo thỏa thuận sau khi ký kết xong hợp đồng chuyển nhượng…, đồng thời cũng cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại 45.000.000 đồng cho bà Đặng Thị Th nếu bà Đặng Thị Th đòi ông Hoàng Văn T…Nếu vợ chồng Ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ không thực hiện đúng thì ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật".*

Nguyên đơn nay yêu cầu bị đơn trả 43.000.000 đồng, do vậy cần khẳng định bị đơn còn nợ tiền nhận chuyển nhượng đất của nguyên đơn là 43.000.000 đồng, theo "Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất", được công chứng tại Văn phòng Công chứng C ngày 18/5/2020.

[3]. Xét thấy, đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc hai bên thỏa thuận lập Giấy thỏa thuận về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/5/2020 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được công chứng tại Văn phòng Công chứng C ngày 18/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện. Đây là số tiền nhận chuyển nhượng bị đơn còn nợ của nguyên đơn. Nhưng đến nay bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên nhận chuyển nhượng theo hợp đồng được quy định tại các Điều 274, 275, 280, 288 và 500 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận và cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nợ là 43.000.000 đồng.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu 3.060.000 đồng tiền chi phí giám định theo Phiếu thanh toán tiền chi phí giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk. Nguyên đơn là người đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000 đồng theo Phiếu thu tiền ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Do vậy bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền chi phí giám định là 3.060.000 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa là 2.940.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo số tiền buộc phải trả là 43.000.000 đồng x 5% = 2.150.000 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 288 và 500 Bộ luật dân sự; Điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai. Căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T.

1.Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị Kim T với bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ, xác lập ngày 18/5/2020 đối với thửa đất số 7973, được Văn phòng Công chứng C công chứng số 02927, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2020.

2. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng Văn T tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nợ là 43.000.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ phải chịu 3.060.000 đồng *(Ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền chi phí giám định và phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho ông Hoàng Văn T.

Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn T tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa là 2.940.000 đồng *(Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Đặng Văn Tr và bà Trần Thị Đ phải chịu 2.150.000 đồng *(Hai triệu, một trăm lăm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn T 1.075.000 đồng *(Một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0001815 ngày 28/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn